

Sự phản bội có hay không **và vào lúc nào của Hoa Kỳ** **đối với đồng minh VNCH**

Nguyễn Hiệp

Ngày 30/4/1975, sau hơn 20 năm chiến tranh dai dẳng, cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc Vietnam (có sự can dự quyết định của các cường quốc Hoaky, Pháp, Lienxo và Trung cộng) mới thực sự chấm dứt. Chiến thắng thuộc về phe cộng sản quốc tế (?), do đảng cộng sản Vietnam và chính phủ VNDCCH tại miền Bắc đại diện được đánh dấu bằng sự sụp đổ toàn diện chính phủ tự do ở miền Nam Vietnam là VNCH và việc tan rã triệt để đối lực kháng cự chính yếu trong chiến tranh là QLVNCH.

Đã có rất nhiều nghiên cứu thuộc nhiều khuynh hướng trái ngược nhau, không ngớt đào xới, phân tích, tìm hiểu... về mọi ngõ ngách của cuộc chiến, nhằm lên án, bào chữa, ca ngợi cho phía này, hay chê trách phe kia. Tuy những bàn luận còn đang kéo dài mãi, nhưng trong đó vẫn chưa thấy có sự ngã ngũ rõ rệt. Một kết luận khá hiển nhiên và tương đối phổ biến đã cho rằng miền Nam Vietnam bị bức tử, do sự phản bội của Hoaky; do Hoaky đã bỏ rơi đồng minh VNCH; do Hoaky áp lực buộc chính phủ VNCH phải ký vào hiệp định....chờ chết tại Paris trong tháng 1/1973. Kết

luận này cho rằng Hoaky bỏ rơi VNCH vì Washington đã hoàn tất mục tiêu chiến lược là bắt tay với Trung cộng, phá nát thể liên minh Cộng Sản Nga – Hoa. Chỉ dấu cuối cùng của chiến lược này là chuyến công du 7 ngày của Tổng thống Richard Nixon đến Hoa lục trong tháng 2/1972.

Thử ngược giòng đôi chút về lịch sử cũng như điếm qua một số sự kiện tiêu biểu, để có thể hiểu rõ hơn về mối quan hệ oan trái giữa Hoaky và Vietnam, mà cụ thể là chính phủ VNCH. Cũng từ những sự kiện lịch sử này, người ta có thể hiểu rõ hơn về **“sự phản bội có hay không và vào lúc nào của Hoaky đối với đồng minh VNCH”** (sic).

1/Hoaky không có ý định ủng hộ giải pháp hai nước Vietnam.

– Thế chiến thứ hai đang diễn tiến, vai trò của quân phiệt Nhật Bản đang uy hiếp và bao trùm cả vùng châu Á – Thái Bình Dương. Sự manh nha bành trướng ảnh hưởng chủ nghĩa Cộng Sản tại Trung Hoa, và Vietnam. Ưu tiên chiến lược của Hoaky trước các yếu tố này đã khiến chính phủ Hoaky nhanh chóng trở thành đồng minh vô cùng lợi hại cho mặt trận Việt Minh và cho cá nhân Hồ Chí Minh trong bước đầu xây dựng sự nghiệp, dưới hiệu ứng xúc tác hiệu quả bởi quan điểm kẻ cắp gặp bà già của cả hai phía. Đây là kết quả những hoạt động mưu tìm sự cộng tác của những thế lực kháng Nhật ở phía Nam Trung Hoa của trú sở OSS Vân Nam.

Thực dân Pháp ngoan cố bám víu lấy thuộc địa, thực hiện những thử nghiệm chính trị hoàn toàn thất bại như đưa ra các chính phủ Nam kỳ của Nguyễn văn Thinh, Lê văn Hoạch, Nguyễn văn Tâm; các chính phủ quốc gia bề ngoài như Trần văn Hữu, Bảo Đại. Trong khi đó, CSVN đã có

những thành công khi tiếp tay thực dân Pháp để đánh phá những phong trào yêu nước, những nhân sĩ có khả năng lãnh đạo toàn dân đấu tranh giành độc lập cho một nước Vietnam hậu thuộc địa. CSVN đã xử dụng nhiều hình thức sắt máu, quyết triệt tiêu những phong trào kháng chiến giành độc lập phát xuất từ lòng ái quốc thuần túy của nhiều thành phần dân chúng và các đảng phái quốc gia không CS. Vì thế khi thế chiến thứ hai vừa mới chấm dứt, quân phiệt Nhật đầu hàng và thực dân Pháp chưa kịp hồi sức, Vietnam bị rơi ngay vào khoảng trống chính trị (Political Vacuum).

Chính trường hoàn toàn thiếu vắng một lãnh tụ quốc gia đủ tầm vóc và bản lĩnh, trong khi đó, đảng viên CS quốc tế dưới tên Nguyễn Ái Quốc đã được huyền thoại hoá bằng nhiều hình thức tuyên truyền bịp bợm xảo trá và lưu manh của quốc tế CS và CS Đông Dương. Khi HCM bộc lộ thân phận CS, Hoa Kỳ hoài công nuôi sáo sang sông. Washington cũng tiêu tan luôn hy vọng tìm kiếm được sự cộng tác từ một chính phủ Vietnam thống nhất, vững mạnh trong giai đoạn hậu thế chiến II và cho thế chiến lược đối đầu tự do – cộng sản trong cuộc chiến tranh lạnh toàn cầu đã chính thức nổ ra từ năm 1947.

-Những hành động phá thối, các hoạt động kỳ đà cản mũi của Pháp, nhất là thái độ, hành vi tự tôn ngược ngạo, trái thời nghịch thế và thói vị kỷ của Charles De Gaulle trước uy thế đang lên như điều gặp gió của tân thế giới America. Những sự kiện này lòng trong bối cảnh những chuyển biến chóng mặt hậu thế chiến II đã và đang diễn ra tại lục địa Á châu, từ khi hồng quân Nga tràn vào Mãn Châu và chiếm đóng Bắc Hàn (8/1945)*, mưu toan chia phần kiểm soát vùng đông bắc Á với quân đội Hoaky đang kéo vào giải

giới quân Nhật tại Nam Hàn (9/1945). Trung Hoa lục địa đã hoàn toàn bị đảng cộng sản Trung Hoa kiểm soát (10/1949). Tình thế này đã dẫn đến hai cuộc chiến tranh địa phương có sự can dự trực tiếp của Mao Trạch Đông, hầu cùng cố phân giậu phía nam cho Hoa lục.

Trận chiến Mỹ, Hoa, Hàn trong tháng 6/1950 đến tháng 7/1953 trên bán đảo Triều Tiên và trận đánh Pháp, Hoa, Việt tại Điện biên Phủ - Bắc Việt trong tháng 11/1953 đến tháng 5/1954.

Hai cuộc chiến tranh dù diễn ra trong khoảng thời gian tương đối ngắn, nhưng đều có cường độ khốc liệt và sự hủy diệt tàn bạo bởi chiến thuật biển người của Mao Trạch Đông, với con số tổn thất lên tới hàng triệu người thuộc nhiều phe can dự và hậu quả cuối cùng là có hai thỏa ước đình chiến được ký kết, để chấm dứt các cuộc giao tranh.

Thỏa ước đình chiến Bàn môn Điểm (Panmunjeom) ký vào tháng 7/1953, tiếp tục chia đôi hai miền nam, bắc Đại Hàn ở vĩ tuyến 38, có mang chữ ký của Nguyên soái Bàn đức Hoài, đại diện cho phía Trung cộng và Đại tướng William K. Harrison – Hoaky, đại diện cho liên quân Liên hiệp quốc.

Trong khi đó hiệp định ngừng bắn Genève trong tháng 7/1954 chia đôi hai miền nam bắc Vietnam tại vĩ tuyến 17, do Trung Cộng và Pháp ấn định và được CSVN thuận ký. Thế nhưng Pháp đã phải rút khỏi Vietnam hoàn toàn và cả hai kẻ trong số những bên ở lại để thi hành và yểm trợ chấp hành là chính phủ quốc gia Vietnam, lẫn Hoaky đều phản đối hiệp định và không có sự ký kết.

Do đó, đã có khác biệt rất quan trọng giữa Vietnam và Đại Hàn, hai quốc gia Á châu cùng bị chia đôi lãnh thổ bởi

thỏa ước ngừng bắn quốc - cộng và trên danh nghĩa đều là đồng minh với Hoaky, chính thức, bán chính thức bị ràng buộc vào chiến tuyến be bờ ngăn chặn Containment Policy 1946 – 1947.

Rõ ràng Đại Hàn Dân quốc luôn có vị thế yên ổn vì sự minh định bảo vệ bằng giấy trắng, mực đen, dưới chiếc dù ủy trị Liên hiệp Quốc, do Hoaky trách nhiệm thực thi theo đề nghị của Tổng thống Harry Truman và hội đồng bảo an LHQ chấp thuận qua nghị quyết tiên khởi số 82 có hiệu lực



Sinh viên VN đi tuần hành tại Paris tháng 4/75 bày tỏ sự phẫn uất vì VNCH bị bỏ rơi

từ ngày 27/6/1950.

Trong khi đó, Vietnam, sau hiệp định Genève, vẫn là một vùng đất hoang, vô pháp luật, nơi cho lục lâm thảo khấu tung hoành, để cộng sản Việt Hoa tha hồ bày mưu tính kế cưỡng đoạt và Pháp tuy còn tham hận sân si, nhưng lực đã bất tòng tâm. Thời thế đã cho gã sở khanh thời đại Hoaky được rộng đường thử nghiệm dần dà tùy thích, lần hồi mọi chiêu bài, mảnh lối, hầu đạt đến mục đích cuối cùng là phá

thế liên minh cộng sản Xô – Hoa. Khi đã đạt được mục tiêu của mình, Hoaky đã rời bỏ Vietnam một cách vô trách nhiệm trước nhân dân Vietnam.

Sinh viên VN đi tuần hành tại Paris tháng 4/75 bày tỏ sự phẫn uất vì VNCH bị bỏ rơi

2/ Hoaky chưa bao giờ có thực tâm yểm trợ cho một quốc gia VNCH không cộng sản.

– Do tương quan cục diện quốc tế bắt buộc thế chằng đặng đưng, Hoaky phải mượn đến giải pháp chiến thuật tạm thời cho vùng Đông Nam Á, với Tổng thống Ngô đình Diệm, đề cao chiêu bài miền nam Vietnam là tiền đồn chống cộng cho thế giới tự do, thành lũy chống đỡ tiên liệu hiệu ứng sụp đổ domino. Vừa ngăn chặn được đà lan tỏa xa hơn, rộng hơn của chủ nghĩa cộng sản, vừa khuynh loát được các thế lực chống cộng khác, nhằm tiếp cận trong hòa hoãn tới mục tiêu cuối cùng là Trung cộng. Bởi vậy, Hoaky luôn duy trì VNCH tồn tại trong một nội lực yếu kém, sống dở, chết dở và chỉ hà hơi, tiếp sức vực dậy, mỗi khi đối phương trực tiếp của miền nam là phe cộng sản miền bắc Vietnam mạnh lên vượt trội, vượt qua lần mức an toàn được tạm đề ra cho VNCH. Khi ngôi sao Ngô đình Diệm có khả năng tỏa sáng, có ý thức dân tộc và muốn tìm kiếm một thỏa hiệp sống chung hòa bình với miền bắc cộng sản, cùng lối thoát đa phương hóa tài trợ quốc tế, hầu xây dựng thành công một miền nam tự do, trở thành một quốc gia VNCH vững mạnh, bước dần ra khỏi cái dù hạn hẹp, can thiệp có tính toán theo từng đoạn kỳ của Washington, thì tất yếu phải đưa đến sự nhanh chóng loại trừ, bởi cuộc đảo chánh đẫm máu ngày 1/11/1963.

– Do sự bất tài của các chính quyền quân nhân sau khi

lật đổ nền đệ nhất cộng hòa ở miền Nam, cũng như trước cuồng vọng u mê của giới lãnh đạo cộng sản tại miền bắc, Hoaky đã đổ quân vào miền nam Vietnam, trực tiếp tham chiến. Cuộc chiến tranh mà quân đội Hoaky bị những ràng buộc phi lý của Law of War được quy định bằng một huấn thị điều hành căn bản ROE (Rule of Engagement). ROE áp dụng trong chiến tranh Vietnam đã quy định rất cụ thể những quy tắc mà quân lực Hoaky phải thi hành. Hành xử khi đối phó, hay triển khai đánh trả và thi thố võ lực khi hoạt động trên từng loại chiến trường riêng biệt: đường mòn Hồ chí Minh, lãnh thổ Bắc Việt, trong vùng vịnh Bắc phần, lãnh thổ Lào.

ROE được đặt ra để duy trì chiến tranh đúng theo chính sách, chủ trương của Washington là không gây tổn hại, hay chọc giận Trung cộng; không hủy hoại, tiêu diệt hoàn toàn khả năng tiếp vận, nuôi dưỡng chiến tranh của Hanoi và khối cộng sản quốc tế. ROE đáp ứng cho yêu cầu không tìm kiếm chiến thắng trên chiến trường phụ là đất nước Vietnam. Hoaky tham chiến chỉ trong mục đích tái lập, duy trì sự cân bằng giữa các thế lực cát cứ, kéo dài cuộc chiến tranh âm ương trên khắp lãnh thổ ba nước Đông Dương, gây xuất huyết cho Lienxo và các quốc gia cộng sản chư hầu. Đồng thời dẫn dụ mục tiêu chính là con cọp Trung cộng chịu bước hẳn ra khỏi bóng tối, sau một chuỗi dài ngấm ngấm hiềm khích đi đến trực tiếp xung đột với con gấu Lienxo. Từ sự kiện che giấu trong vụ chế tạo bom nguyên tử tháng 10/1964, đến đỉnh điểm công khai là nổ ra cuộc giao tranh giữa lực lượng biên phòng Trung cộng, Lienxo, khi hai bên tranh giành quyền kiểm soát hòn đảo Damansky trên sông Ussuri, xảy ra trong tháng 3/1969.

– Giai đoạn 1970 và 1971 Hoaky tích cực đi tiên phong trong các hoạt động nối lại nhịp cầu với Bắc Kinh, cũng như chủ động xuống thang chiến tranh trên bán đảo Đông Dương, sau khi nhận được những phản hồi tích cực từ phía Trung cộng.

Tháng 4/1971 đoàn tuyển thủ bóng bàn quốc gia Hoaky đến giao đấu giao hữu tại Hoa lục với đoàn tuyển thủ nước chủ nhà, sau sự kiện gặp gỡ giữa Chu ân Lai với Roy Evans – người Anh, chủ tịch liên đoàn bóng bàn thế giới ITTF, qua sứ mệnh ngoại giao bóng bàn (Pingpong Diplomacy), để xác nhận việc sẵn sàng chấp nhận đối thoại Mỹ - Hoa và đến tháng 7/1971 Henry Kissinger cố vấn an ninh quốc gia Hoaky đã bí mật đến Bắc Kinh.

Cục diện giao tranh trên chiến trường Vietnam cũng thay đổi diện mạo. Hoaky tuyên bố ngừng không tập miền bắc Vietnam, chấp nhận lập trường rút quân ngoại nhập, tức ngầm ngầm đồng ý cho lực lượng bắc quân được ở lại miền nam Vietnam, song hành với mưu đồ tước bỏ dần khả năng và sức mạnh của QLVNCH, bằng những chiến dịch quân sự vượt biên tại Cambodia và hành quân Hạ Lào, để bẻ gãy bớt các trụ cột xương sống của quân đội miền nam.

Tháng 2/1972 lần đầu tiên sau gần 25 năm đóng băng, không công nhận thực thể Trung cộng, Tổng thống Hoaky Richard Nixon công du Hoa lục, Air Force One đáp xuống Bắc Kinh, trong một chuyến đi 7 ngày làm thay đổi cục diện thế giới. Henry Kissinger cũng chính thức xác nhận quan điểm nếu Hoaky đã chung sống được với Trung cộng, thì cũng không nhất thiết cần phải duy trì một thể chế đặc biệt nào khác tại miền nam Vietnam. Ngược lại Washington sẽ thoả mái và rất dễ dàng chấp nhận một chế độ cộng sản



manh trên bán đảo Đông Dương, (một khi vai trò Đông Dương lui vào bóng tối), bởi đó mới là chỗ đứng thực sự của nó, như William Sullivan, phụ tá thứ trưởng ngoại giao Hoaky sau đó đã khẳng định như vậy.

3/ Không thực sự là đồng minh.

Hoaky can thiệp vào Vietnam không thông qua bất kỳ một văn kiện có sự chuẩn y nào của quốc hội Hoaky, hay bởi một ràng buộc nào có tính pháp lý quốc tế và với một ý thức tiềm ẩn không thừa nhận sự hiện hữu của VNCH như là một định chế bất biến. Vì thế, sự tham dự của Hoaky không hơn kém gì tư cách của một gã Cowboy thừa tiền, dư súng, lại thiếu vắng thủy chung; tha hồ trục lợi, tìm kiếm cơ hội thỏa mãn mọi nhu cầu cho riêng mình và luôn coi số phận dân tộc Vietnam đơn thuần chỉ là một điều kiện trong sách lược toàn cầu.

Do đó, luận chứng cho rằng Hoaky đã phản bội miền nam Vietnam, đã bỏ rơi VNCH vào những lúc này, hay sau những sự kiện kia, xét cho cùng có thể không phù hợp với thực tế và quá nhẹ so với cách hành xử của Washington

trong suốt cả quá trình đến và đi ra khỏi cuộc chiến tranh Vietnam.

Không đồng minh, không công nhận, không trách nhiệm, thỏa mãn xong mưu toan thì phủ tay, dứt áo ra đi, khó có thể coi đó là sự phản bội, mà đó rõ ràng chỉ là một hành vi bạc bẽo, lưu manh của một kẻ thất phu khổng lồ, đối với người tình giai đoạn luôn luôn khờ dại là VNCH đau khổ của chúng ta. Bên cạnh đó là sự bẽ bàng, nhục nhã không bao giờ có thể gột rửa được của đảng cộng sản Vietnam và sự hối tiếc muộn màng tính sai một nước cờ lịch sử, không còn có cơ hội lần thứ hai để sửa chữa của tập đoàn cộng sản quốc tế.

** Ngày 6 và 9/8/1945 Hoaky ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.*

Thừa cơ hội cả nước Nhật đang choáng váng và tan hoang bởi bom nguyên tử, cộng sản Lienxo mới xé bỏ hiệp ước bất tương xâm Xô Nhật ký trong tháng 4/1939, trở cờ tuyên chiến với Nhật ngày 8/8/1945 và qua ngày 9/8 xua hơn 1,5 triệu quân tấn công và làm tan rã đạo quân Quan Đông của Nhật, chiếm Mãn Châu chỉ trong vòng hơn một tuần lễ giao tranh và tràn luôn xuống kiểm soát Bắc Hàn tới tận vĩ tuyến 38.

Nguyễn Hiệp

Cô Bé của

Nhành Soan

đông hương

Thành Phố Hồng.

Bên đĩa croissants nóng hôi, tách cà phê còn bốc khói thơm lừng, buổi sáng quán cà phê trước ga Mat- abiau chưa đông người, Hà ngồi với cô bạn đầm cùng sở nói chuyện nắng mưa,



chờ giờ. Toulouse hôm nay trời thật đẹp, tuy mới gần cuối tháng Hai, nhưng nắng đang hồi sinh, trong như pha lê.

Pha lê, Hà lập lại, phải, nếu có Bình bên cạnh, anh sẽ cười hỏi Hà tại sao Hà không bao giờ dùng tiếng thủy tinh thay vào chữ pha lê ?

-Anh quên rồi sao? Chữ này anh hay dùng mà! Anh thử nghĩ xem anh đã nói lúc nào?

-Mấy chục năm trời rồi, chắc Bình cũng không nhớ nổi mô.

Ngày đầu tiên Bình đưa em đi ăn sáng dưới phố một mình hai đứa, không có anh Tuệ của Hà theo kèm, anh Tuệ lần ni muốn cho anh và Hà có dịp gặp riêng nhau.

Sáng hôm nớ, thành phố Huế vừa thức dậy, trời cũng đẹp

như sáng ni.

-Anh đưa Hà đi ăn bánh lá chả tôm, anh gọi cho Hà và anh 2 đĩa, 2 ly cà phê filters (sao Hà không thích tiếng ly, có nghĩa là ly tan, Hà nghĩ bụng)

Ngồi đối diện Hà, anh chợt nói:

-Anh quen em hơn 2 năm ni, nhưng mới lần đầu anh thấy rõ mắt Hà, mắt em nâu, trong veo như pha lê, nhìn rõ luôn ngõ vào sâu tận hồn em, và anh cũng biết Hà đang nghĩ chi nữa.

-Anh nói dốc quá, em nghĩ chi? Nói thử em nghe đi .

-Nghĩ đến anh và thương anh.

-Còn lâu! Em chỉ coi anh như anh Tuệ em thôi.

-Buồn quá, rứa mà anh cứ ngỡ người ta thương mình! Anh cầm tay em, mân mê mấy ngón tay, mặt giả bộ xa xôi buồn làm em tưởng thiệt:

-Hà xin lỗi anh, Hà nói chơi mà, nếu Hà không thương anh, Hà thương ai vô đây?....

Hôm đi ăn sáng nớ với riêng anh, là lần đầu và cũng là lần cuối, vì ba sắp sửa đổi vô Nam, Hà còn nhỏ nên ba mẹ không cho phép Hà ở lại Huế với Nội và anh Tuệ để tiếp tục học. Làm răng chừ?

- Bình ơi, em sẽ buồn lắm vì xa anh, nhưng em cũng không biết xa anh em sẽ buồn đến cỡ mô! Anh đến với em quá sớm, tuổi 15, 16 con gái chưa hiểu nổi lòng mình anh ơi!

Vô Nam, những năm đầu Hà vẫn liên lạc thư từ với anh, Tết, ba mẹ vẫn cho Hà về ăn Tết với nội và anh Tuệ. Hà vẫn gặp anh, anh vẫn thế, vẫn dịu dàng, yêu Hà, Hà cũng quyến luyến anh.(vì em biết em thương anh thật.)

Tết năm chót về Huế trước khi Hà đi ngoại quốc học, anh gặp Hà nói chuyện anh muốn đến gặp ba mẹ nói chuyện chúng mình vì anh không muốn xa em nữa. Nhưng Hà ngại, Hà mới 19 tuổi, 19 tuổi lấy chồng sớm quá không anh ?

*Anh cho em hoãn lại 3 năm được không Bình ?em học



xong, về sẽ là của anh mãi nghe anh !

Hôm anh tiễn Hà ra ga về SG, buổi sáng trời mưa bay lất phất, mắt anh ướt hắt, lòng Hà chùng lại, nửa muốn nhảy xuống úp mặt vô vai anh, nửa lại muốn như con chim non vừa mới đủ lông cánh bay khỏi tổ tìm trời rộng . Tàu bắt đầu chuyển bánh, anh chạy theo,

nói với theo:

*Viết thư thường cho anh .

Bình ơi, em đã hứa với anh, để rồi thất hứa, và mắt anh luôn từ nay ...

* Mấy năm đầu tiên trên xứ lạ, nửa vì chuyện học, nửa có nhiều bạn mới, cảnh mới, chân trời quá mới, em quên mất ở quê nhà có người đang thương nhớ mình, nhưng sau đó, em bắt đầu thấy thiếu vắng anh.

Em gửi thư về hỏi anh Tuệ, anh Tuệ nói anh đã vào Sai-Gon nhưng không biết ở đâu, anh Tuệ không có tin tức anh vì miền Nam quá rộng, biết mô mà tìm cho ra anh !

Chiến tranh bùng nổ, miền Nam bị sụp, không còn ai gặp ai .Hà nghĩ thế là hết,; không bao giờ còn cơ hội gặp lại anh để nói là Hà vẫn thương yêu anh như ngày đầu .

Anh Tuệ và gia đình bỏ SG, vượt biên, nay hiện đang sống gần Paris, ba mẹ Hà không chịu đi, ở lại SG với ông bà .

Sau đó mẹ mất, anh Tuệ đem ba Hà qua sống gần anh ở Paris.

Ba Hà buồn nhớ mẹ, nhớ quê hương, tinh thần mệt mỏi, ba Hà mất .

Hà về Paris giúp anh Tuệ dọn nhà để trả cho chủ.

Hôm dọn nhà, tình cờ Hà đọc tờ báo Việt trên bàn ba, có

một bài viết ký tên anh, Hà giật mình, tưởng mình đang mơ.

Hà tìm địa chỉ toà báo, gọi điện hỏi thăm . Thật, người viết chính là anh . Trời ơi , Bình còn sống!

* Anh Bình ơi ,Em lên Net tìm đọc về anh, về đời anh sau này . Khi em đi học xa, anh vào trường Võ Bị Đà Lạt, học xong, anh bắt buộc phải ra chiến trường, và gia đình và bạn bè em mất liên lạc với anh. Sau này anh Tuệ em có người bạn cùng khoá với anh, cho biết anh xung vào Binh Chung Biệt Động Quân, đi hết chiến trường này đến chiến trường khác... sau 30 tháng 4, anh bị đi tù mấy năm, về thành bị đưa đi kinh tế mới đốn cây làm củi bán qua ngày. Sau đó anh cưới vợ và đi vượt biên qua được Mỹ và anh cùng các cháu đang định cư ở ngoại ô Hoa Thịnh Đốn. Nhưng em không dám gặp lại anh.

* Còn em ? em đã bỏ học ngành dệt, em học về thẩm mỹ, đi làm được mấy năm; chán nản, em trở lại đại học, học xong hai chứng chỉ Pháp văn, em đi Somalie dạy trong những làng hẻo lánh . Các em học trò của em rất dễ thương, ngoài giờ học, chúng lơ đãng theo em về tận nhà, bắt em kể chuyện xứ mình cho chúng nghe .

Mấy năm sau , em tình nguyện theo hội Hồng Thập Tự quốc tế đi làm việc thiện, giúp dân nghèo ở châu Phi, khi thì đi mấy xứ xa xôi ở châu Á

- Bình ơi, nay em tìm lại được dấu vết anh, lại quá muộn màng, anh có gia đình, con cái, nghề nghiệp, anh còn chi nữa để cho em phải không Bình ?

Năm ngoái Hà có dịp đi dự đại hội ĐKKĐ ở San José với đám bạn cũ, Hà tò mò hỏi Lai xem hôm nay có mặt anh ở đại hội không ? Lai bảo có và chỉ anh cho Hà .

Anh khác trước nhiều quá, gầy đi, nét mặt đánh lại, nhưng vẫn còn giữ nguyên ánh mắt dịu hiền ngày xưa em đã yêu thương ngày nào !

Ông trời cũng oái oăm, sắp đặt cho em ngồi đối diện anh, mình chỉ cách nhau bởi một bình hoa glaioul trắng và hồng;

*Em bắt gặp anh nhìn em , em mỉm cười chào, rồi giả bộ quay lại nói chuyện với Khuê và Thảo; lòng bối rối .

Em quay lại, cúi đầu ăn tiếp, lâu lâu ngẩng lên, em lại bắt gặp ánh mắt anh đang nhìn như muốn dò hỏi, có phải tại đôi mắt nâu ít có của em không ?; đôi mắt đã có 1 thời làm anh ngỡ ngàng ? ánh mắt nhiều khi còn đậu lại trên tay em ?.

* Nhiều lúc em nghĩ anh đoán được người trước mặt anh là ai, nhưng thấy chủ nhân đôi mắt không muốn bắt chuyện nên anh im lặng ?

Nước mắt Hà cứ chực trào, Hà cắn chặt môi để khỏi bị bật mí, nhưng miệng muốn gào to:

*Em đây anh ! cổ họng Hà nghẹn lại .nói chi với anh chừ ? lỗi hoàn toàn ở em mà!

Sợ ngồi lâu Bình sẽ biết, Hà nói với Khuê Hà về trước vì có chút chuyện phải làm gấp ..Hà nghĩ là Bình chỉ đoán đoán vậy, vì có ngờ đâu người cũ từ xa tới ?

* Mấy chục năm trời xa nhau, anh đâu biết em đang ở đâu, chắc em đã lấy chồng, và chắc đã quên anh ?

* Anh Bình ơi !Thật ra trong thời gian sống xa anh, em cũng có quen vài người bạn trai tây có, Tàu có, Việt có, nhưng em không thương yêu ai lâu được, vì em đã hiểu rõ con tim mình, không có ai có thể thay thế hình bóng anh trong nó.

Ra khỏi phòng ăn, nước mắt Hà ràn rụa:

* Hà ơi sao mi ngu thế! mi đã bỏ mất một cái gì đẹp nhất đời mi rồi Hà!.....

*Em trở lại đời sống hằng ngày, vui ít buồn nhiều từ hôm trở lại nhà,; ngày hai buổi đi làm , tối về đầu óc rỗng tuếch, nhớ anh quay quắt .

*Kỷ niệm cũ cứ lần lần theo về. Nắng hôm nay thật đẹp,

Hà nghĩ đến anh, dù nắng DC hay nắng Toulouse hôm nay cũng chỉ là ngọn nắng trong như pha lê dọc theo bờ sông Hương xưa của anh và em . Hà nghĩ. -Chừ, dọc theo bờ kinh du Midi trước ga, hai hàng cây paulownias hoa tím từng chù

m đông đưa trong gió sớm làm em nhớ lại cây soan trong vườn ở Huế .

Hồi nớ, mỗi lần anh đến nhà chơi với anh Tuệ , anh hay gặp em đang trèo soan bẻ hoa vào cắm phòng, anh trêu, gọi em là “ cô bé của nhánh soan « của anh .

Nhiều khi anh Tuệ em gặp anh đang nhìn em, anh Tuệ cười, nói giỡn:

*Ê Bình, toa đừng có “ lậm “ hấn toa sẽ khổ thôi .Hà nó còn con nít trôn, còn bận quần yếm, còn khóc nhè, tối ngủ với gấu bông và bú ngón tay nữa.

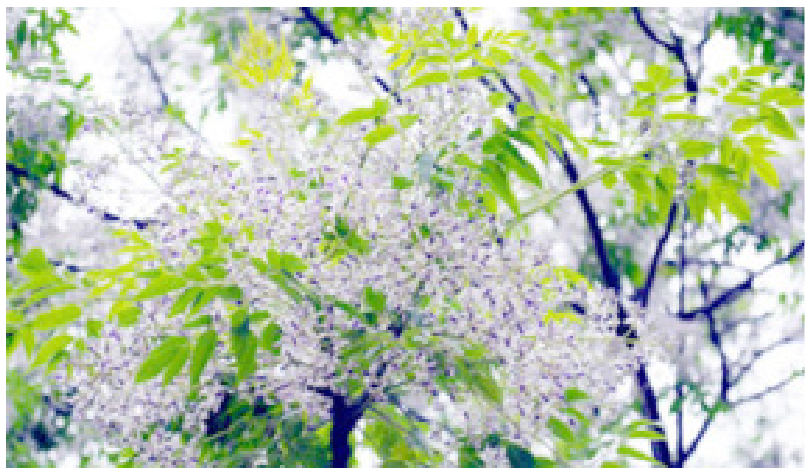
Em không nghe bao giờ Bình trả lời anh Tuệ, Bình chỉ cười nhẹ, bâng khuâng.

Được thế, anh Tuệ nói tiếp.

-Toa biết không, moa khổ với hấn lắm; mỗi khi hấn ra khỏi nhà, mẹ moa bắt moa phải đi kèm . hấn mới bậy lớn, hỉ mũi chưa sạch, vậy mà mấy chàng nhóc Quốc học cứ nhờ moa đưa giùm thư cho “ cô nương khóc nhè “ ni hoài, còn gọi hấn là cô bé mắt nâu, mắt nai, hay mắt ...cú .. chi chi đó. Moa nó với tụi hấn em gái moa là cô bé mắt chần tinh vì hấn dữ lắm, ở nhà hấn được cưng nên hấn ăn hiếp moa, đòi chi không được là chạy theo cắn tay moa chảy máu, Bình sợ chưa ?...

.....Cầm loi tách cà phê trong tay đưa lên miệng, ánh nắng chiếu vào chiếc nhẫn đang đeo, vài tia nắng hần lên mặt nhẫn, lóng lánh đủ màu trên mặt đá.

* Thôi chết rồi! giờ em đã hiểu tại sao hôm ở đại hội anh cứ nhìn tay em ! (Chiếc nhẫn anh đã cho em lần sinh nhật



của em thứ mười sáu, hôm nớ chính tay anh đã đeo vào ngón tay áp út mặt cho em) anh đã nhận ra người đeo chiếc nhẫn cộng thêm đôi mắt nâu đỏ là em ! Đôi mắt nâu tươi viên lá trưởng thành anh nói.

*Em hỏi anh lá trưởng thành là lá ra răng ? anh cắt nghĩa là lá lúc non có màu lúa xanh nhạt, còn lúc già có màu lục sậm.

(hình ảnh anh ví von quá đẹp!).Nhắc tới kỷ niệm, tất cả mọi kỷ niệm của anh em vẫn giữ đủ hết . Từ quyển “ le livre de mon ami “ đến “ le petit prince “; mấy chục năm rồi dù đã bao lần dọn nhà, dù ở nơi mô, chúng vẫn luôn hiện diện trong vali, nay chúng nằm ngay cạnh bàn ngủ đầu giường .

Em thích nhất quyển le petit prince, đoạn con chồn nói:

* Khi nào nhìn lúa chín, tôi sẽ nhớ đến màu tóc anh»

Còn chiếc nhẫn, nó chưa hề rời khỏi ngón tay em đó Bình ơi !Ngày sinh nhật em, khi anh đeo vào tay cho em, em nhìn mắt nhẫn đẹp quá, em hỏi anh mặt nhẫn làm bằng hột chi? cườm hay kim sa .. ??

Anh nói ,chiếc nhẫn làm bằng ánh trắng bạc, còn mặt nhẫn là ngọc sao rơi trên sông anh nhặt lên và nhờ thợ khéo làm riêng cho em . Ngày nớ nghe anh nói, em nghĩ anh rất

lãng mạn, nhưng chừ với thời gian, em hiểu ra là tình anh yêu em sâu hơn cả đại dương . Trời ơi ! Bình ơi làm chi có chiếc thứ hai trên đời nữa hả anh ?

Hà nhìn chiếc nhẫn trên tay mình, cảm thấy có cái gì vừa chết ở trong hồn !

*À, còn nữa, Hà quên chưa nhắc với anh : chiếc lá bồ đề khô.

Anh có nhớ một sáng chủ nhật trời cũng đẹp như hôm ni, anh Tuệ rủ anh và em cùng đạp xe máy lên chùa Từ Đàm chơi không ? Đi dạo trong vườn, ngang cây bồ đề già tuổi, em thấy có một chiếc lá rụng dưới đất vàng, đẹp, em tính lượm, anh Tuệ em la

*Hà, em lượm làm chi, đem về thêm chậ nhà, thôi bỏ đi !Thôi mình đi Bình, kệ hấn.

Thấy em tiu nguỷu, anh tội nghiệp:

* để anh lượm cho ! à mà Hà lượm nó làm chi ?

Em lí nhí cảm ơn

* để em dán vô tập thơ .

* Anh biết không ?Tập thơ và chiếc lá bồ đề khô vẫn nguyên vẹn, em vẫn còn cất kỹ đến chừ trong đó em còn



chép hai bài thơ “qua sông“ và “ bên tà áo em là vùng yêu dấu « anh đã viết tặng em.

*Bây chừ em biết anh chỉ còn là giấc mơ lạ của em trong giấc ngủ, nhưng riêng với anh, em vẫn luôn là “cô bé của nhánh soan “ của anh mãi mãi !

đông hương

Chủ Nghĩa Quốc Gia-Dân Tộc

Lê Đức Luận.

Chủ nghĩa là hệ thống các quan niệm, ý thức, tư tưởng kết thành cơ sở lý thuyết chi phối, hướng dẫn hoạt động của con người theo một định hướng nào đó. Chủ nghĩa được đặt trước hoặc sau một nhóm từ có chủ đề mô tả những nét đặc trưng về chính trị, kinh tế, xã hội thể hiện trong mỗi chế độ dưới những tên gọi như: chủ nghĩa Quốc Gia Cực Đoan, chủ nghĩa Tự Do, Tư Bản chủ nghĩa, Cộng Sản chủ nghĩa, Tam Dân chủ nghĩa, chủ nghĩa Dân Tộc Sinh Tồn...v...v... Từ đó trong ngôn ngữ nhân loại có thêm những danh từ mới.

Đôi khi các triết gia, chính trị gia đưa ra một học thuyết khai phóng tư duy để khơi nguồn cho một cuộc cách mạng về văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội cũng được người đời gọi là chủ nghĩa như: chủ nghĩa Hiện Sinh của Jean Paul Sartre, của Albert Camus.

Những chủ nghĩa này có thể tồn tại để nghiên cứu, có thể được áp dụng vào các thể chế chính trị, cũng có thể bị đào thải tùy thuộc vào tính thực dụng của nó có còn phù hợp với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, sự phát triển kinh tế, sự biến thái xã hội, cùng với tư duy của con người trong mỗi thời đại.

Vào thế kỷ 17-18, nhiều triết gia ở Âu Châu đưa ra những học thuyết làm thay đổi tư duy và mở đường cho một thời đại mới với các định chế trong việc quản lý nhà nước giữa nhà cầm quyền với nhân dân – như học thuyết “phân chia quyền lực” - Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp - đã được nhiều quốc gia áp dụng và còn tồn tại cho đến ngày nay.

Khi bàn về sự phân quyền (Tam quyền phân lập), người ta thường biết đến hai triết gia người Pháp là C.L.Montesquieu (1689-1775) với các tác phẩm triết học chính trị và luật học như “Tinh Thần Pháp Luật” (De l’Esprit Des Lois – The Spirit of Law) và J.J. Rousseau (1712-1778) với tác phẩm “Khế Ước Xã Hội” hay “Xã Ước” (The Social Contract).

Thực ra ý niệm phân quyền đã được triết gia Aristote đưa ra từ thời cổ đại Hy Lạp, ông bảo rằng nó sẽ phù hợp với mọi thời đại. Sau này John Locke (1632-1704) một triết gia người Anh khai triển thành học thuyết. Montesquieu đã khơi sáng học thuyết này và được J.J. Rousseau bổ túc để chứng minh tính hữu lý và phù hợp với sự phát triển xã hội dân sự. Bởi vậy “Tam quyền phân lập” trở nên nền tảng cho ý niệm dân chủ - là “chất men” và là động lực đưa đến cuộc cách mạng Pháp 1789, lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, bãi bỏ chế độ Phong Kiến và nhanh chóng thiết lập chế độ “Dân Chủ Tự Sản”, thực sự mở đầu cho chủ nghĩa Tự Bản.

Cuộc cách mạng Pháp 1789 bùng nổ trong giai đoạn nền công nghiệp ở một số nước Tây Âu (Anh, Pháp, Đức, Ý...) phát triển mạnh nhờ những phát minh khoa học kỹ thuật đem lại, cộng với trào lưu dân chủ lan tỏa, làm thay đổi nếp sống của người dân và khơi nguồn cho những tư duy về kinh tế, chính trị, xã hội ...

Trong bối cảnh sơ khai đó, chủ nghĩa Tự Bản có rất nhiều nhược điểm, nên một nhà triết học người Đức, gốc Do Thái, Karl Heinrich Marx, sau này người ta chỉ gọi Karl Marx (1818-1883) đã viết một tác phẩm đồ sộ: Tự Bản Luận (Le

Capital) - Một học thuyết chuyên đề về kinh tế, chính trị có tính triết học và phê phán chủ nghĩa Tư Bản.

Tư tưởng triết học của Marx trong Le Capital rất sâu rộng, cho nên người ta thường nhắc những khía cạnh ảnh hưởng đến tiến trình cải tạo và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội và dùng thuật ngữ: “Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật sử quan” để đơn giản hóa một phần trong hệ thống tư tưởng triết học của Marx.

Marx cho rằng vật chất đóng vai trò chính yếu và tác động trong quá trình tồn tại và phát triển xã hội loài người chứ không phải ý thức thuần lý hay thần linh. Bởi vậy ông nói phải bãi bỏ tôn giáo – “Tôn giáo là sự bất lực của trí óc con người – nó là liều thuốc phiện”. Đó là một phần cốt lõi của duy vật biện chứng.

Khi phê phán chủ nghĩa Tư bản, Marx đưa ra những nhận định về: Tương quan sản xuất, lực lượng sản xuất và công cụ sản xuất, tạo ra “thặng dư giá trị” mà số liệu thặng dư này vào tay những kẻ nắm giữ công cụ sản xuất (tư bản), rồi hình thành giai cấp thống trị và bị trị và cảnh “người bóc lột người”. Vậy phải đấu tranh xóa bỏ giai cấp, quân bình tài sản để “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”. Marx thường phát biểu: “chủ nghĩa Tư Bản đang dãy chết và tôi sẽ chứng kiến sự suy tàn của nó”. Nhưng đến khi ông qua đời chủ nghĩa Tư Bản chưa chết và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay...

Marx cũng đưa ra nhận xét về đời sống xã hội và lịch sử nhân loại đã tuần tự xuất hiện qua 5 hình thái: -1/ Cộng sản nguyên thủy -2/Chiếm hữu nô lệ - 3/Chế độ Phong kiến – 4/ Tư bản chủ nghĩa – 5/Cộng sản chủ nghĩa. Đây là một phạm trù của chủ nghĩa duy vật sử quan (duy vật lịch sử). Marx cho rằng chủ nghĩa Cộng sản là hình thái phát triển xã hội cao nhất và sẽ là giai đoạn cuối cùng của xã hội loài người.

Lenin (1870-1924) đã khai dụng học thuyết của Karl

Marx, tiến hành cuộc cách mạng vô sản chuyên chính ở Nga năm 1917, bắt đầu thời kỳ quá độ xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội để chuẩn bị tiến lên Chủ Nghĩa Cộng Sản - tạo dựng một “Thế giới đại đồng” - một hình thái “thiên đàng” hiện thực trên hành tinh này. Cho nên người ta thường gọi là chủ nghĩa Marx-Lenin.

Nhưng sau hơn 70 năm xây dựng, chủ nghĩa Marx-Lenin đã sụp đổ và tan rã ngay trên quê hương của Lenin và các nước Đông Âu trong những năm 1989-1991. Những điều Karl Marx tiên đoán và Lenin mơ tưởng: - Chủ Nghĩa Tư Bản sẽ suy tàn – Nhân loại sẽ tiến đến thế giới đại đồng – Nơi đây sẽ không còn giai cấp, cảnh tượng người bóc lột người và sẽ làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu đã không diễn biến như ý Marx.

Do vậy, Chủ Nghĩa Xã Hội không còn hấp dẫn và đủ sức kích hoạt xã hội như ở Thế kỷ 19 – Nó đã đi vào lịch sử nhân loại với những ám ảnh tàn bạo và suy thoái về kinh tế. Nó đã sản sinh một “giai cấp thống trị mới” không khác gì thời kỳ phong kiến và cai trị dân chúng với một chính quyền “cướp được và tự xưng” do đảng Cộng Sản lãnh đạo (không do nhân dân bầu chọn) nên đã xa rời quần chúng và không còn sự tin tưởng và ủng hộ của toàn dân. Nó lỗi thời và đã thuộc về quá khứ...

Trong khi đó các nước theo chủ nghĩa Tư Bản luôn luôn “điều chỉnh” các định chế cho phù hợp với những phát minh mới trong lãnh vực khoa học kỹ thuật để phát triển kinh tế, văn hóa, đồng thời phát huy nền Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền phù hợp với ý thức và trào lưu tiến hóa của nhân loại.

Nhiều nhà nghiên cứu chính trị, xã hội đã đưa ra nhận định: - Các nước tư bản phát triển đang chuyển mình sang một chủ nghĩa mới - Chủ nghĩa Khoa Học Thực Dụng, đồng thời người ta cũng nhận thấy ngày nay nhiều nước có khuynh hướng quay về với chủ nghĩa “Quốc gia - Dân tộc”.

Trên đây chỉ khái lược những nét chính về chủ nghĩa Cộng Sản và Tư Bản không nhằm mục đích phê bình mà chỉ muốn tìm hiểu tại sao ngày nay nhiều quốc gia lại quay về với chủ nghĩa Quốc Gia Dân Tộc? – Và Việt Nam có nên đi theo trào lưu tiến hóa của nhân loại: - Áp dụng chủ nghĩa Khoa Học Thực Dụng để phát triển kinh tế và quay về với chủ nghĩa Quốc Gia Dân Tộc để bảo vệ nền Độc lập, Tự chủ cho nước nhà?

Nhóm từ ngữ “Quốc Gia - Dân Tộc” tự hiển lộ đầy đủ ý nghĩa của nó.

Quốc gia là một thực thể gồm có lãnh thổ có biên cương – trong đó một cộng đồng nhân loại đang sinh sống được cai quản bởi một chính quyền với một văn kiện lập quy gọi là Hiến pháp.

Dân tộc là một ý niệm phát sinh từ “tình tự” của những người cùng chủng tộc, màu da, ngôn ngữ... cũng có thể tập hợp nhiều chủng tộc, nhưng đã sinh sống hòa hợp lâu đời trên cùng một lãnh thổ và cùng trải nghiệm những thăng trầm qua nhiều thời đại để có chung một nền tảng văn hóa và lịch sử.

Ý niệm Quốc Gia được định hình từ khi loài người từ bỏ cuộc sống du mục để quần tụ trên một vùng đất được phân chia ranh giới. Từ đó mọi người có bốn phận bảo vệ biên cương, lãnh thổ của mình và góp phần xây dựng quốc gia giàu mạnh, đồng thời gìn giữ những giá trị văn hóa cùng truyền thống tốt đẹp của tổ tiên.

Ý niệm Dân Tộc là linh hồn của Quốc Gia. Nó thiêng liêng, cao cả và biểu tượng là lá Quốc kỳ mà quốc dân luôn luôn phải tôn thờ. Biên cương quốc gia có thể thay đổi nhưng “hòn nước” vẫn được lưu truyền. Dân tộc nào không giữ được “hòn nước” tất sẽ bị diệt vong và tên quốc gia cũng không còn tồn tại.

Người Do Thái mất nước gần hai nghìn năm, họ đã lưu lạc

khắp nơi trên thế giới và chịu số phận đọa đày, khổ ải. Nhưng mỗi người Do Thái giữ trong lòng cái “hòn nước”, nhờ vậy họ đã thực hiện được giấc mơ phục quốc vào năm 1948.

Cũng nhờ giữ được “hòn nước” mà 14 quốc gia (Armenia, Azerbaijan, Belorussia, Estonia, Georgia, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Latvia, Litva, Moldova, Tajikistan, Turkmenistan, Ukraina, Uzbekistan) bị Stalin sát nhập vào Liên Bang Xô Viết từ năm 1940 đã tuyên bố độc lập - lấy lại tên nước khi hệ thống XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ năm 1991.

Lướt qua bộ truyện Đông Chu Liệt Quốc của Trung hoa ta thấy triều đại nào có đấng minh vương được anh hùng hào kiệt trong nước góp sức lo việc an dân, giữ nước thì vương triều đó tồn tại lâu dài, ngược lại sẽ suy tàn rồi nước mất, dân tan.

Nếu người Việt Nam không mau thức tỉnh, rồi một ngày không xa những dòng tộc: Đinh, Lê, Lý, Trần, Trịnh, Nguyễn ... sẽ kéo nhau đến một nơi núi rừng thâm u nào đó sống đời vong quốc và mỗi dịp Xuân về cùng nhau quỳ lạy tạ tội với tổ tiên và thống thiết thốt lên “nỗi hờn vong quốc”.

Ba phần tư thế kỷ trôi qua - Ba mươi năm chiến tranh - bốn mươi một năm tiếng súng tạm ngưng nhưng VN vẫn ở trong tình trạng chiến tranh, nhân dân chưa an hưởng một nền hòa bình lâu dài và bền vững và chưa có một nền Độc Lập thật sự cho dân tộc, mặc dù đã có ba lần ra tuyên cáo(1). Đến bây giờ nhân dân Việt Nam chưa được hưởng một nền Tự Do trọn vẹn. Còn Hạnh phúc vẫn xa tít tận chân trời..

Đã đến lúc mọi người dân VN, trong đó có các đảng viên cộng sản đang cầm quyền phải tìm ra nguyên nhân vì sao nhân dân VN không đạt được những khát vọng chính đáng của mình?

Sau khi chiếm được Miền Nam, rồi tiến đến thống nhất đất nước, chính quyền Cộng Sản đã áp dụng một số chính

sách “rập khuôn” thời Lenin cướp được chính quyền ở Nga năm 1917 và Mao Trạch Đông ở Trung Hoa năm 1949 như: -Cải tạo công thương nghiệp - Hợp tác hóa nông nghiệp - Đánh tư sản mại bản - Đưa những thành phần liên hệ chế độ cũ vào trại tập trung lao động khổ sai - Đốt sách - Bắt giam các văn nghệ sĩ không hợp tác với chính quyền chẳng khác gì thời Tần Thủy Hoàng đốt sách, chôn học trò (phần thư, khánh nho) - Tuyển người phục vụ cho chế độ theo tiêu chuẩn “hồng hơn chuyên”. Và điều tệ hại nhất là tuyển sinh vào các trường Đại học dựa theo lý lịch...

Những chính sách này đã làm phá sản toàn diện từ kinh tế, chính trị, xã hội. Thảm họa đã chụp xuống cuộc sống tự do, sung túc của nhân dân Miền Nam - mọi thứ đều đảo lộn. Cho nên trong dân gian có nhiều câu ca dao được phổ biến mô tả tình trạng bi thảm thời đó: “*Rau muống nửa bó một đồng. Con ăn bó nhịn, đau lòng thằng dân... hay Thằng khôn đi học, thằng ngu làm thầy ... hay Nam Kỳ khởi nghĩa tiêu Công Lý, Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do ...*”

Ông Võ Văn Kiệt (1922-2008), cựu Thủ tướng chính phủ CHXHCNVN nhận ra điều đó nên đã phát biểu: “*30-4-1975 là ngày có triệu người vui, mà cũng có triệu người buồn*” và ông đã thúc đẩy việc “sửa sai-đổi mới”; ông cũng là một đảng viên cộng sản cao cấp đầu tiên nêu lên vấn đề “hòa hợp hòa giải dân tộc” trong lúc các đồng chí của ông còn đang say men chiến thắng.

“Sửa sai và đổi mới” chỉ là một lối thoát tạm thời cho chính quyền khỏi sụp đổ và duy trì sự độc quyền lãnh đạo của đảng Cộng Sản chứ chưa xây dựng được một nền tảng vững chắc và một định hướng rõ ràng trong việc “đổi mới” kinh tế, chính trị và đường lối ngoại giao. Bởi vậy hơn 41 năm qua, dưới sự cai trị của đảng Cộng Sản, Việt Nam đã đi vào “ngõ hẹp” và tương lai dân tộc rất mịt mờ

Sự “nhập nhằng” giữa **Chủ Nghĩa Quốc Gia Dân Tộc**

và **Chủ Nghĩa Cộng Sản** khiến các nhà lãnh đạo đương thời khó tìm ra một chính sách đạt được sự đồng thuận của toàn dân. Nếu nghiêng về chủ nghĩa Quốc Gia Dân Tộc để xây dựng một thể chế Tự Do Dân Chủ thì đảng Cộng Sản mất độc quyền lãnh đạo mà nghiêng về chủ nghĩa Cộng Sản thì nhân dân không chấp nhận và phản kháng. Đó là trở ngại lớn cho việc phát triển ...

Cũng chính sự “nhập nhằng” này, VN đã để mất nhiều cơ may do những biến chuyển lịch sử đem đến trong thập niên 90: Sự sụp đổ và tan rã của hệ thống XHCN ở Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu (1989 - 1991), và việc TT Hoa kỳ Bill Clinton tuyên bố bỏ lệnh cấm vận VN ngày 3-2-1994. Đây là hai cơ hội bằng vàng để VN xây dựng nền Độc lập, Tự chủ và kinh tế cất cánh.

Khi phe XHCN sụp đổ, thay vì quay về với dân tộc, Đảng đã vội vàng đưa các ông Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Phạm Văn Đồng sang Trung Quốc xin thần phục qua Hội nghị Thành Đô (tháng 9-1990). Đến nay Đảng chưa công bố rõ ràng nội dung Hội nghị Thành Đô cho dân chúng biết, ngay cả ông TS Nguyễn Trọng Phúc, Viện trưởng Viện lịch sử Đảng ầm ờ phát biểu: “Đây là thuộc về lĩnh vực quan hệ giữa hai đảng, hai nhà nước, còn chúng tôi về lịch sử không am tường những vấn đề đó” (trao đổi với đài BBC ngày 17-4-2014). Do vậy, trong nhân dân có những lời đồn đoán rằng vì sợ mất Đảng nên các ông Linh, Mười, Đồng đã ký kết các văn kiện thỏa thuận để VN sẽ trở thành “một tỉnh tự trị của Trung quốc” vào năm 2020 - Nghe mà đau lòng!!!

Hơn 50 năm trước, Ông Ngô Đình Nhu (1910-1963) trong quyển Chính Đề Việt Nam đã đưa ra nhận định: “Cộng sản Bắc Việt tự đặt mình lệ thuộc Trung cộng đã đặt chúng ta trước viễn ảnh nô lệ kinh khủng. Hành động của họ sẽ tiêu diệt mọi cơ hội phát triển của chúng ta mà còn đe dọa đến sự tồn tại của dân tộc. Giả sử Nam VN bị Bắc Việt

thôn tính, thì Trung Cộng thôn tính Việt Nam chỉ là vấn đề thời gian”. Đúng là VN đang trong vòng nô lệ của Trung Quốc và sự tồn tại của dân tộc VN đang bị đe dọa.

Ngày nay đảng cộng sản Việt Nam lấy “chủ nghĩa Mac-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” làm nền tảng cho chế độ để xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (cương lĩnh 2011) và áp dụng “kinh tế thị trường, định hướng XHCN” làm kim chỉ nam phát triển kinh tế.

Hai vấn đề này gây nhiều tranh luận. Nhưng ngày 23-10-2013, ông Nguyễn Phú Trọng, TBT đảng Cộng Sản VN tuyên bố trước Quốc Hội: “Đổi mới chỉ là một giai đoạn, còn xây dựng CNXH còn lâu dài lắm, *đến hết thế kỷ này không biết đã có CNXH hoàn thiện ở VN hay chưa*”. Còn ông Viện trưởng Viện chiến lược Bùi Tất Thắng nhận định về mô hình kinh tế và đổi mới tư duy: -*“Kinh tế thị trường, định hướng XHCN trong vòng 15 năm vừa qua là hành trình – dò đá qua sông – Quá trình này rất dò dẫm về lý thuyết, lý luận. Nhận thức về mô hình mới vẫn chưa rõ ràng nên gây khó khăn trong việc hoạch định chính sách”*. Một người có quyền lực cao nhất, một ông hoạch định chiến lược mà nhận định như thế thì không biết tương lai đất nước sẽ đi về đâu?

Còn tư tưởng Hồ Chí Minh là gì và tại sao ghép nó vào với chủ nghĩa Mac-Lê? Đó là cái day dứt, đó chính là “khủng hoảng tư duy” của Bộ Chính Trị và của các cán bộ lý luận cao cấp của Đảng CSVN (theo nhận định của ông Vũ Quang Ninh, cựu Giám đốc Đài phát thanh Tự Do ở Miền Nam trước 1975). Và cũng theo bài viết của ông Vũ Quang Ninh (ngày 29-11-2009) - “Theo ký giả Pháp Jean Lacouture, khi một người ngoại quốc hỏi ông Hồ: sao ông không viết hồi ký như Mao Trạch Đông, ông ta trả lời: - *Mao đã nói hết rồi, còn gì để nói nữa đâu* . Trả lời ông Nguyễn Văn Trấn, cũng là đảng viên Cộng Sản kỳ cựu,

khi ông Trần đề cập đến tư tưởng chi đạo cho Đảng Cộng sản VN, ông Hồ trả lời: - *Không, tôi chẳng có tư tưởng gì, ngoài tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lê. Tôi chỉ có phương pháp để giải quyết thỏa đáng từng vấn đề của ta. Chớ còn tư tưởng là quan niệm về vũ trụ, về thế giới và xã hội con người thì tôi là học trò của Mác, Ăng ghen, Lênin, chớ làm gì có tư tưởng ngoài triết học Mác”.*

Vậy mà Nghị Quyết của Đại Hội lần VII tháng 6/1991 chỉ thị “phải học tập và nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh” và ghép nó vào “cái đuôi” của chủ nghĩa Mác Lê để định hướng cho một chính thể!

Trước sự phá sản và sụp đổ quá nhanh chóng ở Liên Xô và các nước Đông Âu, chủ nghĩa Mác-Lênin không còn tính thuyết phục, nhưng nếu từ bỏ nó đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ mất hết quyền lực và quyền lợi nên ghép cái đuôi “tư tưởng HCM” vào để không ai dám chỉ trích cái chủ thuyết lỗi thời này, mặc dù ông HCM đã xác nhận “tôi chẳng có tư tưởng gì, chỉ có phương pháp để giải quyết thỏa đáng từng vấn đề”. Đúng thế, ông HCM chỉ nêu lên những phương châm như những lời huấn thị đảng viên: Chí công vô tư - Cần, kiệm, liêm, chính - Giữ sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình – Cán bộ là đầy tớ của nhân dân v...v... Nhưng ngày nay các hậu duệ của ông đều làm ngược lại.

Cũng vì quyền lực và quyền lợi mà trong mô hình phát triển kinh tế cũng ghép thêm “cái đuôi” XHCN. Nhóm từ ngữ “kinh tế thị trường định hướng XHCN” đến nay vẫn chưa có luận giải minh bạch, vẫn còn nhập nhằng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân làm nảy sinh nhóm lợi ích, nạn hối lộ.

Do đó, người ta mới hiểu tại sao sau khi Hoa kỳ dỡ bỏ lệnh cấm vận năm 1994, hơn 10 năm sau, nền kinh tế VN vẫn không cất cánh được. Mặc dù nhiều dự án và vốn đầu

tư nước ngoài (FDI = Foreign Direct Investment) tăng vọt:

- Năm 1988 có 37 dự án - vốn đầu tư 371 triệu 8 MK.
- Năm 2006 có 970 dự án-vốn đầu tư 12004 triệu MK
- Năm 2015 vốn đầu tư ngoại quốc lên đến 24 tỷ MK.

Ngoài ra VN còn nhận được nguồn viện trợ nhân đạo để “xóa đói giảm nghèo” từ các quốc gia phát triển (nhóm G-7 gồm các nước Pháp, Đức, Ý, Nhật, Anh, Hoa kỳ và Canada) và được hưởng quy chế “Viện Trợ Chính Thức” (ODA= Official Development Assistance) nghĩa là được viện trợ không hoàn lại (25%) và được vay với điều kiện ưu đãi. Từ năm 1993 đến 2004 Ngân hàng Thế giới cam kết giúp VN 29 tỉ MK (đã giải ngân 14 tỉ). Riêng năm 2004, ngân hàng Phát Triển Á Châu và Nhật Bản tài trợ 2.25 tỉ MK (đã giải ngân 1,65 tỉ) - (trích từ Tổng cục Thống kê và Cục Đầu Tư Nước Ngoài của chính phủ VN).

Nhưng nguồn ngoại tệ thường xuyên và liên tục đến từ 3 triệu người Việt sinh sống ở nước ngoài và 400 ngàn nhân công “xuất khẩu lao động” gửi về giúp thân nhân trong nước là một khối tài chánh đáng kể. Số lượng kiều hối này tương đương 5,7% tổng sản lượng quốc gia (GDP).

Số lượng kiều hối tăng nhanh - từ 170 triệu MK năm 1994 tăng 500 triệu MK năm 1995 – Năm 2004 tăng lên 2,3 tỉ MK. Đó là chưa kể hằng năm có ba, bốn trăm ngàn người Việt về thăm quê trao cho thân nhân, bạn bè bằng tiền mặt hay tặng vật. Ngoài ra chính phủ VN còn thu nhập từ nguồn tài nguyên thiên nhiên (dầu thô, than đá) lên đến 7,4 tỉ MK trong năm 2005. Số tiền này nằm hoàn toàn trong tay nhà nước. (Theo bản tin của Đài Á Châu Tự Do-RFA- ngày 10-1-2007).

Vậy mà sau hai thập niên đổi mới VN vẫn còn nằm trong danh sách các quốc gia nghèo khó. Nhìn sang nước Nhật, Đại Hàn, Đài Loan, họ đã thu ngắn thời gian để tiến lên hàng các quốc gia phát triển chỉ trong vòng 20 năm. Nước Đức

qua kế hoạch Marshall, chỉ hơn 10 năm sau đã trở thành một quốc gia hùng mạnh về kinh tế lẫn chính trị ở Tây Âu.

Còn VN, với một khối lượng tài chính to lớn đến từ ngoại viện, từ kiều hối, từ khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên (dầu thô, than đá v...v...) mà theo thống kê của Liên hiệp quốc năm 2013, bình quân đầu người ở VN là 1,868 USD/người, hơn Lào (1,589 USD/người) và Campuchia (1,008 USD/người). Nếu so với Singapore: 54,649 USD/người; Nhật Bản (38,528USD/người); Hàn Quốc (26,482 USD/người), những con số chênh lệch đáng buồn cho người dân VN.

Nói theo cách suy nghĩ của người dân Nam Bộ, của các “bà mẹ chiến sĩ”: -Dân ta buồn, dân ta nghèo khổ - quen rồi! - cực thêm chút nữa chẳng sao – chỉ mong tương lai con cháu khá hơn và dân mình không phải làm nô lệ cho ai ... Dễ thương quá, hiền hoà quá, nhẫn nhịn quá !!! Bởi vậy trong hơn 41 qua, dân ta vẫn âm thầm chịu đựng để cho Đảng nắm quyền lãnh đạo - để cho Đảng “Đổi mới rồi lại sửa sai - Sửa sai rồi ngồi lại - Ngồi lại rồi lại sửa sai” cứ thế xoay vòng - cha già thì trao lại cho con quyền cai trị chẳng khác gì thời Phong kiến – cha truyền con nối ...

Ở các nước dân chủ đâu có được như thế, đảng nào được dân tín nhiệm lên cầm quyền 4 năm, nhiều lắm là 8 năm, chỉ có vài trường hợp đặc biệt kéo thêm một hai nhiệm kỳ là cùng. Trong khi cầm quyền mà phạm phải sai lầm thì từ chức, người ta ví von là “văn hóa từ chức”, còn ở VN/XHCN – sai thì sửa - sửa tới sửa lui rồi ngồi lại, dân ta gọi là “văn hóa sửa sai- ngồi lại” ...

Bây giờ nước đã dâng lên tới nóc - tương lai con cháu và đất nước mịt mờ nên Dân mới hỏi Đảng. Tham nhũng chỉ là chuyện nhỏ, dân ta đã quen rồi, nó đã trở thành một nét “văn hoá” đặc thù ở VN ngày nay - loại “văn hóa bôi trơn XHCN” hay “văn hóa phong bì”... Cho nên nhân dân chỉ

muốn hỏi các vấn đề liên quan đến sự tồn vong và tương lai của dân tộc:

1-Tháng 9-1990 ba ông Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Phạm Văn Đồng sang Thành Đô ký kết với Trung Quốc những điều gì? Xin Đảng công bố cho dân biết. Những tin đồn: Đảng đã chấp nhận để VN trở thành một tỉnh của Trung quốc vào năm 2020 có đúng không?

2-Tổ tiên đã hy sinh xương máu và dày công xây dựng dải giang sơn gấm vóc này, nay để lại cho toàn thể con dân Việt Nam hay chỉ riêng cho mấy triệu đảng viên cộng sản mà trước đây ông Phạm Văn Đồng dám ký công hàm công nhận quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của VN thuộc về Trung Quốc (14-9- 1958), nay thì Đảng tự tiện cho người Tàu thuê (có nơi bán đứt có chỗ thì nhượng) đất, rừng, biển, đảo mà không có sự đồng thuận của nhân dân?

3-Đảng có thấy ngày nay hầu như nhân loại đã chối bỏ chủ nghĩa Cộng Sản vì tính không tưởng và bất cập của nó? - Đảng có nhìn ra từ lâu hai nước đàn anh Liên Xô, Trung Quốc dùng CNXH để chiêu dụ các nước Á-Phi nghèo khó làm thành trì bảo vệ cho họ được an toàn phát triển kinh tế và sức mạnh quân sự để tranh giành ảnh hưởng với các nước Tây phương, còn các quốc gia chư hầu vẫn loanh quanh trong vòng lệ thuộc không góc đầu lên được? Vậy Đảng ưu việt hơn cả tư duy của nhân loại hay Đảng đang mê muội?

4-Đảng có nghe ông Đặng Tiểu Bình nói: *“Không cần biết mè trắng (mè vàng), hay mè đen, chỉ cần bắt được chuột đều là mè tốt”*. Câu nói cụ thể này đã định hướng cho việc phát triển kinh tế và áp dụng trong chính sách ngoại giao của Trung Quốc trong mấy thập niên vừa qua. Điều đó chứng tỏ Đặng Tiểu Bình đã bước sang “Chủ nghĩa Thực dụng”. Vậy ngày nào Đảng Cộng Sản VN không còn “bắt được chuột” cho Trung Quốc thì Đảng sẽ đi về đâu và

những điều gì sẽ đến với dân tộc VN?

5-Ông Nguyễn Phú Trọng đã từng nói: “*Xây dựng XHCN còn lâu dài lắm, đến hết thế kỷ này không biết đã có XHCN hoàn thiện ở VN hay chưa*”. Như vậy thì lâu quá, tính ra đến ba đời vẫn còn sống trong tăm tối... Vậy Đảng phải thay đổi chế độ nào tốt hơn, phát triển nhanh hơn cho người dân được hưởng chút Tự Do, Hạnh Phúc trước khi về cõi ... (về cõi là chữ của ông Vũ Cao Quận)

6-Nghe đến chữ XHCN, nhân loại muốn tránh xa, còn nhân dân VN “ngán tới cổ”. Vậy mà quốc hiệu cũng thêm vào chữ XHCN; Về cơ chế quản lý và phát triển kinh tế cũng thêm vào chữ XHCN: “Kinh tế thị trường định hướng XHCN” khiến các nhà lý luận và hoạch định chính sách “lùng bùng” than thở: - Đang “dò đá qua sông (trích lời của ông Bùi Tất Thắng, Viện trưởng Viện Chiến lược). Vậy Đảng nên cắt bỏ chữ XHCN để tránh những mâu thuẫn nội tại hầu tìm ra một định hướng rõ ràng cho việc phát triển...

7- Đảng nêu khẩu hiệu: - “Chính quyền của dân, do dân và vì dân” nhưng điều hành việc nước thì “Đảng lãnh đạo, nhà nước chỉ huy, nhân dân làm chủ”. Nhân dân cứ thắc mắc: - Làm ông chủ mà có “đưa” chỉ huy, có “thăng” lãnh đạo ... Vậy thì “làm chủ” cái gì?

8-Hiến Pháp là văn kiện lập quy cao nhất của Quốc gia, ấn định việc điều hành đất nước. Vậy mà Cương lĩnh Đảng đặt trên Hiến pháp - Mọi hoạt động phải tuân theo Nghị quyết của Trung ương Đảng. Vậy Đảng có thấy đây là một nghịch lý, mâu thuẫn với tinh thần của nền dân chủ pháp trị?

9-Đảng bảo “dân trí” còn kém nên cần Đảng lãnh đạo - cần Đảng soi đường! Người dân thắc mắc: - 61 năm (1884-1945) thực dân Pháp đô hộ nước ta đã áp dụng chính sách ngu dân làm cho dân trí không phát triển, dân sinh không hạnh phúc đã đành... Nhưng từ ngày Cách Mạng Mùa Thu 1945, tính đến nay đã 71 năm, Đảng đã đào tạo một thế hệ

“Ma dzê in VN” đang lãnh đạo đất nước “dân trí” vẫn còn thấp kém là lỗi do ai?. Tại sao con cháu người Việt ở nước ngoài học hành giỏi giang, thành đạt, đâu có thua ai. Có phải do Đảng áp dụng chính sách giáo dục sai lầm và áp dụng chính sách tuyển dụng “hồng hơn chuyên” mới ra nông nổi?

10-Và tại sao càng ngày càng nhiều người Việt Nam muốn ra nước ngoài sinh sống, ngay cả những cán bộ đảng cũng tìm cách chuyển tiền, đưa con em ra nước ngoài và chờ cơ hội thoát khỏi VN ? Khi người ta không còn tha thiết với quê hương, đành lòng từ bỏ nơi chôn nhau cắt rốn của mình chứng tỏ nơi đó có “vấn đề” và báo trước cho sự suy tàn ... Đảng có quan tâm đến tình trạng này không?

11- Hiện nay ở VN nhiều tổ chức “Xã Hội Dân Sự” được hình thành. Có phải Dân không còn tin Đảng - Dân phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước - Dân tự động liên kết, đứng lên để tự cứu mình và cứu nước?

Trước hiện tình như vậy, nhiều bậc thức giả đề nghị Đảng nên mở một cuộc **Trung Cầu Dân Ý** để tìm hiểu nguyện vọng của toàn dân, từ đó tìm ra quốc sách đúng hướng để cứu nguy dân tộc. Miền Điện đã làm và đã đưa đất nước họ thoát vòng lệ thuộc TQ và đang tiến đến một tương lai tốt đẹp ... Đây là một bài học thực tiễn về chính trị, xã hội đáng chú ý và học hỏi để rút kinh nghiệm về “thế Nước – lòng Dân” ...

Đảng cứ mạnh dạn tiến hành, đừng lo ai có kinh nghiệm hơn Đảng để cai trị muôn dân, nước nhà sẽ biến loạn. Người xưa thường bảo: “Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư”, theo đó Dân sẽ chọn được người tài đức ra giúp nước. Trong Bình Ngô Đại Cáo, Nguyễn Trãi đã viết: “Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau - Song hào kiệt đời nào cũng có”. Vậy Đảng chớ lo thiếu người lãnh đạo mà Đảng nên dẫn đò chọn lựa: - Đảng còn thì Nước mất (vào tay TQ) mà khi Nước mất thì Dân tan !!!

Qua cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ vừa rồi, ông Donald

Trump, một người chưa có kinh nghiệm chính trường như bà Hillary Clinton và bị giới truyền thông “dập” cho tã ... Nhưng cuối cùng ông đã thắng. Tại sao? Câu trả lời ngắn gọn và đầy đủ nhất là do: “Sức mạnh vô địch của tinh thần Dân Chủ và Dân Tộc”. Thời gian trước ngày bầu cử, đa số hệ thống truyền thông nghiêng về phía bà Hillary. Bà Hill đã chi nhiều tiền cho các hãng truyền thanh, truyền hình và cố gắng tranh thủ khối cử tri da màu. Mọi cuộc thăm dò cho thấy bà Hillary luôn luôn dẫn đầu. Đa số người theo dõi cuộc bầu cử tiên đoán bà Hillary sẽ thắng chắc. Nhưng tinh thần dân tộc tiềm ẩn của những người da trắng đã trỗi dậy, đem lại chiến thắng cho ông Trump.

Nên nhớ mặc dù ngày nay Hoa Kỳ là một Hiệp Chúng Quốc (đa chủng tộc, đa văn hóa) nhưng trong suy nghĩ của người da trắng vẫn xem quốc gia Hoa Kỳ là của họ vì tổ tiên họ là những người da trắng Âu Châu đến đây đầu tiên lập nên quốc gia này. Biết bao hy sinh và công khó của nhiều thế hệ cha ông họ xây dựng nên một quốc gia Hoa Kỳ hùng mạnh. Họ ôm ấp nó, bảo vệ nó và kiêu hãnh với nó. Cho nên mỗi lần quốc gia Hoa Kỳ lâm nguy, tự ái dân tộc bị xúc phạm, người da trắng đã đứng lên và họ đã chiến thắng...

Tinh thần Dân Tộc là bất diệt. Ông Hồ Chí Minh biết rõ điều đó và đã bao lần mượn danh Dân Tộc để cứu Đảng ai cũng biết và sử sách còn ghi. Nhưng khi cứu được Đảng, ông lại bỏ “cái mũ” Quốc Gia Dân Tộc xuống, đội “cái mũ” Mac- Lênin lên. Cho nên nhà văn Võ Phiến, một người sống nhiều năm trong vùng kháng chiến Liên Khu 5 than rằng: Chử Quốc Gia Dân Tộc mang nhiều nỗi oan khiên – Khi lâm nguy người cộng sản mang nó ra xài – Khi qua cơn hoạn nạn họ lại nguyên rửa nó, ai nhắc đến nó sẽ bị trừ dập, tù đày.

Tinh thần Dân Tộc bất diệt và nhân dân là trụ cột giữ cho Quốc Gia trường tồn. Đó là chân lý. Đảng phái chỉ đóng

vai trò trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Tuyên truyền là con dao hai lưỡi – tuyên truyền lừa bịp, mị dân đem lại kết quả tạm thời, khi sự thật được phơi bày, thì sẽ có phản ứng ngược.

Trong quyển sách Why Nations Fail (Tại Sao Các Quốc Gia Thất Bại) một công trình nghiên cứu trong 15 năm của hai giáo sư kinh tế nổi tiếng Daron Acemoglu và Jame A. Robinson đã nhận định: “Các quốc gia thất bại thường bị cai trị bởi một nhóm quyền thế tập trung và đã tổ chức xã hội để phục vụ quyền lợi riêng cho họ trong khi đại đa số nhân dân không có được quyền lợi tương xứng”. Hai tác giả này cũng khẳng định: : “Thể chế chính trị và kinh tế là nguyên nhân quyết định sự thịnh vượng hay nghèo đói của một quốc gia”.

Việt Nam đang rơi vào hai trường hợp này: Không có một thể chế chính trị minh bạch, hợp lý và không có định hướng cho nền kinh tế. Không phát huy sáng kiến phù hợp với hoàn cảnh đất nước mình mà cứ theo đuôi, rập khuôn Trung Quốc. Đến khi đàn anh TQ lộ rõ ý đồ xâm lăng và đã biến VN thành cái sân sau tiêu thụ hàng phế phẩm của TQ. Đó là chưa nói đến đã tẩm đũa vào VN các hóa chất độc hại đầu độc dân ta. Đảng “quýnh quýng chạy lung tung đi tìm chỗ dựa”.

VN đang theo đuôi chính sách “ngoại giao đu dây”- Nhưng xưa rồi! “Ngoại giao đu dây” chỉ hiệu quả vào thời điểm chiến tranh lạnh. Bây giờ là thời đại toàn cầu hóa. Sự tương tác giữa các quốc gia là bình đẳng và song phẳng quyền lợi đôi bên, không còn tình trạng “cuu mang” như mấy chục năm về trước. Một quốc gia hào phóng như Hoa Kỳ, ngày nay họ cũng đặt quyền lợi quốc gia Hoa Kỳ lên trên hết. Ngày nay chủ nghĩa “Quốc Gia Cực Đoan” đang trỗi dậy. Chớ có hy vọng hảo huyền Hoa Kỳ sẽ giúp VN thoát nạn TQ xâm lăng, cũng chớ thấy TQ đang lên mà theo đuôi họ... Một ngày nào đó hai nước lớn này thỏa thuận

chia chất quyền lợi với nhau: “Nị được cái này thì để cho Ngô cái kia”, thì cả dân tộc VN sẽ khốn đốn ... Vậy hãy khơi dậy và nuôi dưỡng tinh thần dân tộc để phát triển “Nội Lực Quốc Gia”. Chỉ có con đường đó mới cứu nguy Tổ Quốc.

Hãy nghe lời giải bày của Cố Thủ Tướng Singapore Lý Quang Diệu với đại ý “Trên đời này cá lớn nuốt cá bé, nước lớn hay chiếm nước nhỏ thường xảy ra, hãy biến “con cá bé” thành “con cá độc”, nuốt vô là chết. Không ai dám nuốt “con cá độc Singapore” nên Singapore được độc lập, tự chủ và phát triển...”

Mong Đảng sáng suốt nhận ra rằng: “con cá độc VN” sẽ được sản sinh từ lòng yêu nước, từ tình tự dân tộc và từ ý chí bất khuất, quật cường của nòi giống, chứ không thể đến từ chủ nghĩa ngoại lai, lỗi thời Mac-Lênin.

Đảng cũng nên nghiền ngẫm câu nói của người xưa: - Làm thầy thuốc sai lầm, giết chết một bệnh nhân - Làm công tác văn hóa, tư tưởng sai lầm sẽ thui chột đôi ba thế hệ - Làm chính trị sai lầm sẽ giết chết một dân tộc...

Lê Đức Luận.

(Nov 12-2016)

(1)-Ngày 11-3-1945, Vua Bảo Đại công bố bản Tuyên Ngôn Độc Lập, đặt quốc hiệu Đế Quốc Việt Nam, giao học giả Trần Trọng Kim thành lập chính phủ.

-Ngày 2-9-1945, Ông Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập tại Hà Nội, đặt tên nước Việt Nam Dân Chủ hòa. Ông Hồ Chí Minh lên làm chủ tịch nước.

-Ngày 8-3-1949, với Hiệp Elysée ký giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và cựu hoàng Bảo Đại xác nhận nền độc lập của VN, đặt tên nước Quốc Gia Việt Nam, Bảo Đại làm quốc trưởng.